

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 04 năm 2017*

**THỎA THUẬN TRÁCH NHIỆM**

Số 02/2017/TTTN-Kỳ Giang

**THỰC HIỆN MÔ HÌNH THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH  
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (PHẦN NÔNG NGHIỆP)  
TRONG KHUÔN KHỔ HỢP PHẦN 3: HỖ TRỢ THỰC HÀNH NÔNG  
NGHIỆP THÔNG MINH THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
DỰ ÁN THÀNH PHẦN: CẢI THIỆN NÔNG NGHIỆP CÓ TUỔI TỈNH HÀ TĨNH  
DỰ ÁN: CẢI THIỆN NÔNG NGHIỆP CÓ TUỔI (WB7)**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Hiệp định tài trợ dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi, khoản vay số Cr.5352-VN ký giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế ngày 24/4/2014, có hiệu lực ngày 22/7/2014;

- Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (POM) dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi vay vốn WB;

- Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BNN-XD ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi do WB tài trợ (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CT ngày 08/01/2014 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Hà Tĩnh quy định tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TT-WB7 ngày 16/3/2016 của Cục Trồng trọt về việc Phê duyệt Khung Kế hoạch thực hiện mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-DA-WB7 ngày 24/01/2017 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện Hợp phần 3 (PCSA): Mô hình thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Tĩnh - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Hà Tĩnh - Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tuổi (WB7);



- Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-DA-WB7 ngày 11/04/2017 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh về việc phê duyệt Thiết kế xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) lúa theo hướng cánh đồng mẫu (CDM) tại xã Kỳ Giang - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp) - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh - Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7);

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/HĐNT-Kỳ Giang ngày.../01/2017 giữa Ban Quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh với Hợp tác xã Thành Đạt trong việc thực hiện xây dựng mô hình CSA lúa theo hướng cánh đồng mẫu (CDM) tại xã Kỳ Giang - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh.

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

**Bên A: Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh**

- Người đại diện: **Nguyễn Văn Tâm**
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 02 - Đường Nguyễn Huy Tự - TP. Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: 0393.851.970                      - Fax: 0393.856.798
- Mã số thuế: 3001940072 \*
- Số tài khoản:

955217420663 hoặc 955717420663 tại Kho bạc Nhà nước Hà Tĩnh

102010002034445 tại NH Công thương Việt Nam- chi nhánh Hà Tĩnh

**Bên B: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và KD tổng hợp Thành Đạt**

- Người đại diện: **Nguyễn Văn Phú**
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX
- Địa chỉ: thôn Tân Bình - xã Kỳ Giang - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: 0975.268.141
- Mã số thuế: 3001648906
- Số tài khoản: 3713201000128 tại NH Nông nghiệp và PTNT - chi nhánh Voi - Hà Tĩnh.

Hai bên ký kết thỏa thuận trách nhiệm thực hiện với những điều khoản sau:

#### **Điều 1. Nội dung:**

Bên B có trách nhiệm tổ chức thực hiện “*Mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) lúa theo hướng cánh đồng mẫu (CDM) tại xã Kỳ Giang - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp)*” trong khuôn khổ Hợp phần 3 “*Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH*” thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh (WB7).

#### **Điều 2. Phạm vi:**

Mô hình được thực hiện trong phạm vi 02 cánh đồng 50ha (tổng diện tích 100ha) thuộc xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

#### **Điều 3. Thời gian thực hiện:**

Bắt đầu: Vụ Đông Xuân năm 2017 (tháng 01/2017)



Kết thúc: Vụ Hè Thu năm 2018 (tháng 12/2018).

#### **Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên:**

##### **4.1. Đối với bên A**

###### **4.1.1. Trách nhiệm**

- Cung cấp hồ sơ Thiết kế mô hình đã được phê duyệt. Cung cấp chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho Bên B trong toàn bộ quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình, thực hiện mô hình, bao gồm đánh giá hiệu quả và đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ và tham vấn thường xuyên với các cơ quan huyện, xã, các tổ chức xã hội, đoàn thể địa phương, để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động thực hiện mô hình CSA.

- Đấu thầu xây dựng, mua sắm thiết bị hàng hóa các hạng mục để cung cấp cho bên B theo phân giao trách nhiệm được thể hiện trong thiết kế, kế hoạch được phê duyệt và phù hợp với Sổ tay thực hiện dự án.

- Thanh toán cho bên B các khoản chi phí hợp lệ để thực hiện các hoạt động theo thiết kế, kế hoạch được phê duyệt và các điều khoản của thỏa thuận này.

###### **4.1.2. Quyền hạn**

- Kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá hiệu quả làm việc của bên B trong quá trình triển khai thực hiện công việc tại hiện trường. Có quyền từ chối thanh toán các khoản chi phí không hợp lệ hoặc khi chất lượng công việc không đạt yêu cầu.

- Tạm ngừng hoặc đình chỉ việc thực hiện nếu thấy bên B thực hiện không đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của thiết kế, kế hoạch đã được phê duyệt.

##### **4.2. Đối với bên B**

###### **4.2.1. Trách nhiệm**

- Tổ chức, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra các hoạt động của các hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình CSA.

- Xây dựng và nộp cho Bên A kế hoạch thực hiện chi tiết hàng năm.

- Thay mặt cho các hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình mua sắm trang bị, công cụ cầm tay, vật tư để thực hiện mô hình theo phân giao trách nhiệm được thể hiện trong thiết kế, kế hoạch được phê duyệt. Chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và quản lý, phân phối các trang bị, công cụ, vật tư cho các hộ nông dân thực hiện Mô hình CSA phù hợp các thời kỳ sản xuất.

- Tiếp nhận, tổ chức quản lý vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị do Bên A cung cấp theo thiết kế, Kế hoạch thực hiện mô hình CSA đã được phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan huyện, xã, các tổ chức xã hội, đoàn thể địa phương, để tổ chức hiệu quả các hoạt động thực hiện mô hình CSA.

- Phối hợp chặt chẽ với cán bộ và chuyên gia tư vấn của Bên A giám sát các hoạt động tại hiện trường để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất mô hình CSA hiệu quả, đúng mục tiêu và tiết kiệm.

###### **4.2.2. Quyền hạn**

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công việc chi tiết, lịch trình công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.



- Có quyền phản ánh về khối lượng, chất lượng của công trình, thiết bị hoặc từ chối tiếp nhận công trình, thiết bị do Bên A cung cấp nếu không đảm bảo về khối lượng, chất lượng.

- Chủ động đề xuất với Bên A về những thay đổi hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai công việc (nếu cần).

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung các hoạt động thực hiện mô hình CSA trên cơ sở yêu cầu thực tế sản xuất.

#### **Điều 5. Kinh phí thực hiện mô hình và điều khoản thanh toán**

**5.1. Kinh phí:** 2.922.040.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.)

Trong đó:

TT	Hạng mục hỗ trợ	Kinh phí (đồng)
1	Chi phí hỗ trợ thiết bị	962.000.000
2	Chi phí hỗ trợ cho gieo trồng, chăm sóc	1.262.400.000
3	Chi phí khác	132.000.000
4	Chi phí vận hành tổ chức	300.000.000
5	Chi phí dự phòng	265.640.000
6	<b>Tổng</b>	<b>2.922.040.000</b>

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

#### **5.2. Điều khoản thanh toán:**

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

- Điều kiện thanh toán: các chi phí của các hạng mục do Bên B thực hiện, mua sắm hợp lệ sẽ được Bên A thanh toán theo khối lượng thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp lệ, theo kế hoạch thanh toán quy định dưới đây và phù hợp tiến độ thực hiện.

- Kế hoạch thanh toán:

+ Tạm ứng: Trong vòng 5 ngày đầu mỗi quý Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B toàn bộ kinh phí dự trù khối lượng thực hiện trong quý theo kế hoạch năm được phê duyệt.

+ Tắt toán tạm ứng: cuối mỗi quý Bên B có trách nhiệm báo cáo toàn bộ chi phí phát sinh trong quý cho Bên A cùng bản sao các chứng từ để tắt toán khoản tạm ứng đã nhận. Bên B lưu trữ chứng từ cho tất cả các khoản chi phí và đệ trình cho bên A hoặc các cơ quan giám sát của bên A kiểm tra khi có yêu cầu.

+ Tạm ứng các quý tiếp theo: Số tiền tạm ứng của quý tiếp theo sẽ bằng tổng chi phí dự trù cho khối lượng thực hiện quý tiếp theo trừ đi số tiền còn dư sau khi tắt toán tạm ứng của quý trước. Bên A sẽ không tạm ứng cho bên B quý tiếp theo nếu bên B chưa tắt toán tạm ứng của quý trước.

+ Quyết toán cuối cùng: sau hoàn thành tất cả các hoạt động theo yêu cầu của dự án, bên B lập bản quyết toán trình bên A kèm theo toàn bộ hồ sơ chứng từ để phê duyệt tổng quyết toán chi phí. Căn cứ tổng quyết toán được phê duyệt, bên



A và bên B sẽ thực hiện hoàn trả/thanh toán số tiền chênh lệch giữa tổng tiền bên A đã cấp cho bên B và tổng chi phí phát sinh của bên B.

#### **Điều 7. Hiệu lực.**

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày được 2 bên ký kết ghi ở trên. Thỏa thuận này sẽ hết hiệu lực khi:

- Hai bên đã thực hiện hoàn thành trách nhiệm theo các điều khoản trong thỏa thuận này, hoặc các điều chỉnh nếu có được 2 bên thống nhất bằng văn bản.

- Bên A có thể hủy bỏ thỏa thuận này bằng một văn bản thông báo gửi trước đó mười (10) ngày làm việc tới Bên B sau xảy ra bất kỳ một sự kiện nào như dưới đây:

- + Nếu Bên B không khắc phục được tình trạng không thực hiện trách nhiệm của mình theo thỏa thuận này trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được thông báo của Bên A;

- + Nếu Chủ đầu tư (Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh), vì bất cứ lý do gì, quyết định hủy thỏa thuận này.

- Sau 15 ngày Bên A không trả lời hoặc không khắc phục được tình trạng không thực hiện trách nhiệm của mình theo thỏa thuận này kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B.

#### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

- Hai bên cam kết thực hiện tuân thủ các điều khoản đã ghi trong bản thỏa thuận này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết tìm giải pháp khắc phục.

- Các điều chỉnh, thay đổi nếu có được hai bên thống nhất sẽ được thể hiện bằng một Phụ lục điều chỉnh.

- Bất kỳ tranh chấp hay bất đồng nào phát sinh ngoài hoặc có liên quan đến những điều khoản trong thỏa thuận này mà không thể giải quyết được bằng thương lượng giữa hai bên thì phán quyết cuối cùng sẽ do Tòa án tỉnh Hà Tĩnh quyết định. Quyết định của Tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng đối với cả hai bên và sẽ thay thế tất cả các quyết định khác.

- Thỏa thuận này lập thành 06 bản được 02 bên thống nhất ký kết vào ngày, tháng như ở trên có giá trị như nhau. Bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



Nguyễn Văn Tâm

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



Nguyễn Văn Phú



**Phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận trách nhiệm số: 02/2017/TTTN-Kỳ Giang**

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Tỷ lệ dự án hỗ trợ (%)	Năm 2017		Năm 2018		Cả 2 năm 2017 - 2018		PPMU <sup>[1]</sup>	HTX <sup>[2]</sup>
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
	Tên cây trồng:	LÚA									
	Diện tích:	Ha									
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ HỖ TRỢ THIẾT BỊ</b>										
<i>1</i>	<i>Dụng cụ</i>				362.000		600.000		962.000		962.000
	Công cụ sạ hàng	Cái	100%	15	25.500		0		77.000		77.000
	Bình phun chế phẩm	Cái	100%	15	16.500		0		25.500		25.500
	Máy làm cỏ lúa	Cái	1%	10	35.000		0		16.500		16.500
<b>2</b>	<b>Thuê dụng cụ máy móc</b>				150.000		600.000		35.000		35.000
	Thuê máy làm đất	ha	100%	50	150.000	200	600.000	250	750.000		750.000
<b>3</b>	<b>Thiết bị xử lý phụ phẩm cây trồng sau thu hoạch</b>				135.000				135.000		135.000
	Công cụ cuốn rơm STAR 0850	Cái	100%	1	135.000			1	135.000		135.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ HỖ TRỢ CHO GIO TRỒNG, CHẤM SÓC</b>				420.800		841.600		1.262.400		1.262.400
	Mô hình lúa vụ Xuân				213.400		426.800		640.200		640.200
<i>1</i>	<i>Vật tư Nông nghiệp</i>				198.000		396.000		594.000		594.000
	Giống lúa	Kg	100%	3.000	96.000	6.000	192.000	9.000	288.000		288.000
	Urea	Kg	30%	4.200	42.000	8.400	84.000	12.600	126.000		126.000
	Lân super	Kg	30%	8.250	33.000	16.500	66.000	24.750	99.000		99.000
	Kali Clorua	Kg	30%	2.250	27.000	4.500	54.000	6.750	81.000		81.000
<b>2</b>	<b>Xử lý phế phụ phẩm NN làm phân hữu cơ vi sinh</b>				15.400		30.800		46.200		46.200
	Chế phẩm Trichoderma	Kg	100%	200	15.400	400	30.800	600	46.200		46.200
	Mô hình lúa vụ Hè Thu				207.400		414.800		622.200		622.200





